

Số: 2552 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 30 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ trẻ em và người điều trị, cách ly y tế để phòng, chống Covid-19 trên địa bàn huyện Bù Gia Mập (đợt 7)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Công văn số 2880/UBND-KGVX ngày 27 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ủy quyền ban hành quyết định hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Theo đề nghị của UBND huyện Bù Gia Mập tại Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2021 và ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1813/TTr-SLĐTBXH ngày 23 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ trẻ em và người điều trị, cách ly y tế để phòng, chống Covid-19 trên địa bàn huyện Bù Gia Mập (đợt 7), có danh sách kèm theo, cụ thể như sau:

- Tổng số đối tượng được hỗ trợ: 20 người, trong đó:
 - + F0 đã kết thúc điều trị: 15 người;
 - + F1 đã hoàn thành cách ly y tế tập trung: 03 người;
 - + Trẻ em đã kết thúc điều trị, cách ly y tế: 02 người
- Tổng kinh phí hỗ trợ: 33.920.000 đồng.

(Bằng chữ: Ba mươi ba triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng).

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Bù Gia Mập; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ LĐ-TB&XH;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, Các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP tỉnh, các Phòng;
- Lưu VT, KGVX.

**TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**



[Handwritten signature]

Huỳnh Thị Thùy Trang



**DANH SÁCH F0, F1, TRẺ EM ĐƯỢC HỖ TRỢ DO PHẢI ĐIỀU TRỊ, CÁCH LY Y TẾ ĐỂ PHÒNG, CHỐNG COVID-19
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BÙ GIA MẬP (ĐỢT 7)**

(Kèm theo Quyết định số 2552 /QĐ-UBND ngày ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ	Số CMT, thẻ CCCD của cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ (Đối với trẻ em)	Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)			Ghi chú
		Nam	Nữ							Tiền ăn	Hỗ trợ thêm	Tổng tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	DANH SÁCH F1: 03 NGƯỜI									4.240.000			
1	Võ Thị Út Hiền		1982			Thôn Đăk Lim, xã Đăk Ô	09/7/2021	04/8/2021	21	1.680.000		1.680.000	Tiếp xúc F0 trong khu cách ly và chuyển qua F0 (đã đề nghị F1 tại Tờ trình 112/TTr-UBND)
2	Điêu Đức		1992			Thôn 10, xã Đăk Ô	09/7/2021	01/8/2021	21	1.680.000		1.680.000	Tiếp xúc F0 trong khu cách ly và chuyển qua F0 (đã đề nghị F1 tại Tờ trình 112/TTr-UBND)

3	Điền Năng	1999			Thôn Bù Bưng, xã Đăk Ô	09/7/2021	19/7/2021	11	880.000		880.000	Tiếp xúc F0 trong khu cách ly và chuyển qua F0 (đã đề nghị F1 tại Tờ trình 112/TTr- UBND)
II DANH SÁCH F0: 15 NGƯỜI											23.760.000	
1	Nguyễn Thị Thu Huệ		1992		Thôn Bình Đức 2, xã Đức Hạnh	01/8/2021	21/8/2021	20	1.600.000		1.600.000	
2	Lê Thị Thanh Yên		1991		Thôn 8, xã Bình Thắng	09/8/2021	24/8/2021	16	1.280.000		1.280.000	
3	Nguyễn Văn Hải	2004			Thôn 2, xã Đa Kia	11/8/2021	24/8/2021	14	1.120.000		1.120.000	
4	Hoàng A Tắc	1998			Thôn Bình Giai, xã Phước Minh	11/8/2021	24/8/2021	14	1.120.000		1.120.000	
5	Điền Kiệt	2003			Thôn Hai Cấn, xã Phú Nghĩa	08/8/2021	24/8/2021	17	1.360.000		1.360.000	
6	Hoàng Trung Hiếu	1994			Thôn 5, xã Đa Kia	04/8/2021	25/8/2021	22	1.760.000		1.760.000	
7	Phạm Thị Xuân Thương		2003		Thôn 5, xã Đa Kia	06/8/2021	25/8/2021	20	1.600.000		1.600.000	
8	Sì Mưu Hoa		1975		Thôn Bình Giai, xã Phước Minh	15/8/2021	28/8/2021	14	1.120.000		1.120.000	
9	Điền Đức	1992			Thôn 10, xã Đăk Ô	02/8/2021	28/8/2021	27	2.160.000		2.160.000	F1 chuyển sang.



10	Võ Thị Út Hiền		1982			Thôn Đăk Lim, xã Đăk Ô	05/8/2021	28/8/2021	24	1.920.000		1.920.000	F1 chuyển sang
11	Hoàng Văn Chiến	1964				Thôn 4, xã Đa Kia	14/8/2021	28/8/2021	15	1.200.000		1.200.000	
12	Trần Thị Hoàng Ngọc		2004			Thôn Tân Lập, xã Phú Nghĩa	08/8/2021	28/8/2021	21	1.680.000		1.680.000	
13	Thị Cúc		1995			Thôn Sơn Trung, xã Đức Hạnh	01/8/2021	28/8/2021	28	2.240.000		2.240.000	
14	Hoàng Sang Hậu	2001				Thôn Bình Giới, xã Phước Minh	09/8/2021	05/9/2021	28	2.240.000		2.240.000	
15	Điền Năng	1999				Thôn Bù Bưng, xã Đăk Ô	20/7/2021	06/8/2021	17	1.360.000		1.360.000	F1 chuyển sang.
III	DANH SÁCH TRẺ EM: 02 NGƯỜI											5.920.000	
A	ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ VỚI THỜI GIAN LÀ F1											1.640.000	
1	Võ Ngọc Sơn	2008		Võ Văn Út	351348652	Thôn Đăk Lim, xã Đăk Ô	09/7/2021	16/7/2021	8	640.000	1.000.000	1.640.000	đã đề nghị F1 tại Tờ trình 117/TTr- UBND
B	ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ VỚI THỜI GIAN LÀ F0											4.280.000	
1	Điền Vũ	2018		Điền Hưng	070097003198	Thôn Sơn Trung, xã Đức Hạnh	01/8/2021	21/8/2021	20	1.600.000	1.000.000	2.600.000	
2	Võ Ngọc Sơn	2008		Võ Văn Út	351348652	Thôn Đăk Lim, xã Đăk Ô	17/7/2021	07/8/2021	21	1.680.000		1.680.000	F1 chuyển qua F0
Tổng: 20 người											33.920.000		
<i>Bằng chữ: Ba mươi ba triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng./.</i>													